

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DSST
Ngày 25-10-2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Liêm
2. Bà Võ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Minh H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt
2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H. Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Hoa T. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Minh H trình bày: Vào ngày 27-12-2016, bà Phạm Thị H có vay của ông 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, hẹn một tháng sẽ trả lại cho ông. Tuy nhiên, đến nay bà H vẫn chưa trả nợ cho ông và không có thiện chí trả nợ. Bà H khai có bà Võ Thị Hoa T mượn 5.000.000 (Năm triệu) đồng trong tổng số tiền này nhưng ông không biết và không đồng ý, vì ông chỉ cho bà H mượn tiền chứ không cho bà T mượn; giấy mượn tiền do bà H viết cho ông chứ không có bà T. Nay, ông yêu cầu bà H phải trả lại cho ông số tiền nợ là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Tại bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và bà Võ Thị Hoa T có mượn của ông H số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng vào ngày 27-12-2016 như ông H đã trình bày; trong đó, bà mượn 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và bà T mượn 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Do điều kiện khó khăn nên bà chưa trả nợ cho ông H như đã hẹn. Bà và bà T đã nhiều lần trả lãi cho ông H trong thời gian mượn tiền, đến khi hết khả năng bà mới không trả nữa. Nay ông H khởi kiện, bà chấp nhận trả cho ông H số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng bà đã mượn, số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng còn lại để bà T có trách nhiệm trả cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hoa T vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh bà T không có mặt tại địa phương, bà T cũng không có ý kiến hay lời khai gì liên quan đến nội dung vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông H số tiền nợ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung vụ án:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Giữa ông Phan Minh H và bà Phạm Thị H có lập giấy mượn tiền vào ngày 27-12-2016, với nội dung là bà H mượn của ông H số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Giao dịch theo giấy mượn tiền ngày 27-12-2016 là giữa cá nhân ông H với bà H, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật nên giao dịch này phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bà H không trả nợ nên ông H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà H trả số tiền nợ này. Theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[1.2] Xét yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà H trả số tiền nợ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng:

Nội dung giao dịch theo giấy mượn tiền ngày 27-12-2016 là bà H mượn của ông H số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, thời hạn 30 ngày kể từ ngày 27-12-2016 đến ngày 27-01-2017. Bị đơn bà H thừa nhận đã xác lập với ông H thỏa thuận này và là người ký giấy mượn tiền. Bà H khai trong số tiền mượn 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng theo giấy mượn tiền này có bà T mượn 5.000.000 (Năm triệu) đồng, còn bà H mượn 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng; bà H và bà T đã

nhiều lần trả lãi cho ông H trong thời gian mượn tiền. Tuy nhiên, bà H không cung cấp chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Ông H không thống nhất với lời khai của bà H, ông H xác định chỉ cho bà H mượn tiền chứ không cho bà T mượn tiền; giấy mượn tiền do bà H viết cho ông H chứ bà T không viết; từ khi cho mượn tiền đến nay ông H chưa nhận được khoản tiền trả lãi nào từ bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bà H chỉ mượn ông H 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và chứng minh việc bà H đã trả tiền gốc, tiền lãi cho ông H. Qua xác minh, bà T không có mặt tại địa phương theo địa chỉ bà H cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến của bà T liên quan đến nội dung vụ án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông H số tiền nợ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng theo giấy mượn tiền ngày 27-12-2016 là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2] Về án phí: Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh H, buộc bà Phạm Thị H chịu trách nhiệm trả cho ông H số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003606, ngày 27-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25-10-2019). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân